TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2025
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thanh Tùng.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vĩ;
Ông Dương Văn Xuyên;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Hà Nội Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7- Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 192/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Lê Thị H,** sinh năm 1971.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khối 14, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Ông Trịnh Mạnh Q,** sinh năm 1970.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khối 14, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

(Có mặt bà H; Vắng mặt ông Q).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2025 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Bà kết hôn với ông Trịnh Mạnh Q trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Phù L, huyện S, thành phố Ha (nay là UBND xã S, thành phố H) vào ngày 05/03/1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà về sống cùng

nhau tại khối 14, xã Phù L, huyện S, thành phố H. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà không tìm được tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế cũng như sinh hoạt hàng ngày, bà không tham gia vào hoạt động kinh doanh của ông Q, công việc của ai người ấy làm nên không có sự đồng cảm, chia sẻ trong cuộc sống.Từ năm 2016 ông Q bỏ ra ngoài sinh sống, không về nhà lần nào, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nhiều năm nay bà không liên lạc với ông Q, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm gì, khoảng một đến hai tháng gần đây bà có nghe các con nói chuyện về việc có liên lạc, gọi điện với ông Q nhưng các con cũng không biết hiện ông Q sống ở đâu. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Q có 02 con chung là Trịnh Thủy T, sinh ngày 24/6/1992 và Trịnh Minh P, sinh ngày 23/7/2003, hiện các con đều đã thành niên, lao động tự túc được nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Bà không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: Bà xin tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm.

* Bị đơn trong vụ án: Ông Trịnh Mạnh Q vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Q đến Tòa án nhưng ông Q đều vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng đã đến nơi cư trú của ông Q để tiến hành thu thập, ghi lời khai của ông Q nhưng ông Q đều vắng mặt tại nơi cư trú. Quá trình xác minh tại Công an xã Sóc Sơn xác định ông Q vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khối 11, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội nhưng hiện đang cư trú tại xóm 12, xã H, tỉnh N. Tại Biên bản xác minh mgafu 26/8/2025 với Công an xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình xác định: Anh Q có đăng ký tạm trú tại tổ dân phố số 22, xã H, tỉnh N trong thời gian từ tháng 06/2022 đến tháng 07/2023 thì rời khỏi địa phương. Hiện chính quyền địa phương không biết ông Q đi đâu, làm gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H, cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Trịnh Mạnh Q.

Về con chung: Bà H xác nhận có 02 con chung là Trịnh Thủy T sinh ngày 24/6/1992 và Trịnh Minh P, sinh ngày 23/7/2003 đều đã thành niên, lao động tự túc được nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Bà H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ lời trình bày của đương sự tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn đối với ông Trịnh Mạnh Q, sinh năm 1970 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khối 14, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (nay là khối 14, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội), bà là người có quyền khởi kiện theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trịnh Mạnh Q đi khỏi địa phương nhưng không báo cho bà Hường biết địa chỉ nơi ở mới, bà Hường đã ghi đầy đủ, đúng địa chỉ của ông Q. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 7- Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền theo cấp và theo lãnh thổ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trịnh Mạnh Q không có yêu cầu phản tố. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Q theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Trịnh Mạnh Q đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/1992 tại UBND xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế, xây dựng cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai còn quan tâm tới ai, vợ chồng không có sự liên lạc, không còn quan hệ tình cảm. Nay bà H xác nhận không còn tình cảm vợ chồng nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét thấy, ông bà sống ly thân đã lâu, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà H được ly hôn với ông Q là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Trịnh Thủy T sinh ngày 24/6/1992 và Trịnh Minh P, sinh ngày 23/7/2003 đều đã thành niên, lao động tự túc được nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Trịnh Mạnh Q. Cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Trịnh Mạnh Q.

2. Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Trịnh Thủy T sinh ngày 24/6/1992 và Trịnh Minh P sinh ngày 23/7/2003 đều đã thành niên, lao động tự túc được nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo biên lai số 0073253 ngày 10/4/2025.

Bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
- TAND T/P Hà Nội;
- VKSND Khu vực 7, Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 7, Hà Nội;
- Các đương sự;
-UBND xã Sóc Sơn;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thanh Tùng

Nơi nhận:
- TAND T/P Hà Nội;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- THA DS huyện Sóc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP;
-UBND xã Đông Xuân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Việt Hùng

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Quang Không

Nơi nhận:
- *TAND T/P Hà Nội;*
- *VKSND huyện Sóc Sơn;*
- *THA DS huyện Sóc Sơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS, VP;*
-*UBND xã Thông Xuân*

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Quang Không

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Như ý

Nơi nhận:
- *TAND T/P Hà Nội;*
- *VKSND huyện Sóc Sơn;*
- *THA DS huyện Sóc Sơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS, VP;*
-*UBND xã Tân Minh*

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Như ý

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Như ý

Nơi nhận:
- *TAND T/P Hà Nội;*
- *VKSND huyện Sóc Sơn;*
- *THA DS huyện Sóc Sơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS, VP;*
-*UBND xã Thông Xuân*

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Như ý

a